TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 420/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phú

2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Xuân Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 519/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 515/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị B, sinh năm 1953; CCCD: 079153012034; Địa chỉ: 1 L, phường P (Phường A, quận P cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Vũ Cao T, sinh năm 1953; CCCD: 036053003669; Địa chỉ: 3 L, phường T (Phường B, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Vũ Thị B trình bày: Bà và ông Vũ Cao T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 37/1981, quyển số 01/P.2, đăng ký ngày 03/8/1981 tại Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (bản chính giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc).

Ngay sau khi kết hôn, giữa hai vợ chồng không thể hòa hợp trong quan hệ vợ chồng và những bất đồng trong cuộc sống nên khoảng 1 – 2 tháng sau bà đã dọn về nhà ba mẹ ruột sinh sống. Tuy nhiên, vì truyền thống, đức tin của người công giáo nên hai bên không thể ly hôn. Suốt khoảng thời gian dài vừa qua, giữa hai bên không còn tồn tại quan hệ hôn nhân thực tế nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Không có.

Phía bị đơn là ông Vũ Cao T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Hòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do có đượng sự vắng mặt và nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đương sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và lời trình bày, tranh luận của nguyên đơn tại phiên tòa xác định vợ chồng không có sự , mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, Bị đơn hiện cư trú tại phường T (Phường B, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

[2.1]. Do Tòa án xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 37/1981, quyển số 01/P.2 đăng ký ngày 03/8/1981 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo công văn của Ủy ban nhân dân phường T được biết: Hiện bị đơn cư trú tại địa phương và không nhận được đơn thư yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình giữa hai bên đương sự. Về phía bị đơn, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa, cũng không có ý kiến gì thể hiện việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn gia đình. Qua trình bày của nguyên đơn, nhận thấy giữa hai bên không có tình nghĩa vợ chồng; vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể xây dựng được gia đình hạnh phúc và cả hai đã sống ly thân một khoảng thời gian rất dài nên việc hàn gắn, đoàn tụ là không thể. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai nhận không có. Bị đơn không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn đóng tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Vũ Thị B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị B được ly hôn với ông Vũ Cao T.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị B được miễn đóng tiền án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản sao án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo